

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/KDTM-PT

Ngày 08 – 12 – 2021

V/v tranh chấp yêu cầu xác định

tỷ lệ phần vốn góp và chuyển

quyền quản lý công ty.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số: 84/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp yêu cầu xác định tỷ lệ phần vốn góp và chuyển quyền quản lý công ty.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2020/KDTM-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2496/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 108, đường ĐT, thôn 1, xã N Ch, huyện Đ L, tỉnh Bình Thuận, (có mặt).

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn S Tr;

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ Gi, huyện H th B, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Th – Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn S Tr, (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà , khu phố Ph M, thị trấn Ph L, huyện H Th B, tỉnh Bình

Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1964; địa chỉ: Số, đường Châu Văn L, phường Ph Th, thành phố Ph Th, tỉnh Bình Thuận, (có mặt).

2. Ông Nguyễn Mạnh Đ2, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố 9, thị trấn Đức Tài, huyện Đ L, tỉnh Bình Thuận, (có mặt).

3. Ông Trương Văn Q, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Võ Xu, huyện Đ L, tỉnh Bình Thuận, (có mặt).

4. Ông Nguyễn Th, sinh năm 1970; địa chỉ: Số nhà, khu phố Ph M, thị trấn Ph L, huyện H Th B, tỉnh Bình Thuận, (có mặt).

5. Ông Trần Văn Đình, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn 9, xã Đa Kai, huyện Đ L, tỉnh Bình Thuận, (có mặt).

- Người làm chứng: Ông Trần Đàm Ngọc Q1, sinh năm 1988; địa chỉ: Tò, Thôn 8, thị trấn Đ T, huyện Đ L, tỉnh Bình Thuận, (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn S Tr;

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2019, các bản tự khai ngày 10/11/2019 và ngày 28/02/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H trình bày:

Nguyên trước đây vào năm 2007, vợ ông là bà Nguyễn Thị T cùng ông Trần Đàm Ngọc Q1, ông Trần Văn Đ1 là các thành viên sáng lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) S Tr (sau đây gọi tắt là Công ty S Tr hoặc Công ty) đăng ký góp vốn điều lệ là 06 tỷ đồng, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp lần đầu ngày 05/7/2007, do ông Trần Văn Đ1 làm giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty đăng ký, vốn góp mỗi thành viên là 02 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 33,33%. Công ty đầu tư trồng cây cao su và làm dự án cải tạo rừng.

Đến tháng 3 năm 2013, các thành viên của Công ty thống nhất đăng ký góp vốn điều lệ lên 15 tỷ đồng, vợ ông bà Nguyễn Thị T giao lại phần vốn góp cho ông bằng hình thức chuyển nhượng vốn góp cho ông. Do đó, ông là thành viên của Công ty và cũng là người đại diện theo pháp luật của Công ty là giám đốc Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 cấp ngày 01/4/2013, mỗi thành viên của Công ty đăng ký góp vốn 05 tỷ đồng chiếm

tỷ lệ 33,33%. Ngày 21/9/2015, Công ty có họp Hội đồng thành viên với mục đích Công ty nhờ ông Nguyễn Mạnh Đ2 đứng tên hộ phân góp vốn và chức danh giám đốc Công ty để ông Đ2 hoàn tất thủ tục vay vốn giúp Công ty với thỏa thuận: Sau một thời gian ông Đ2 giao lại phần mà ông Đ2 đứng hộ trả lại cho ông H kể cả chức danh giám đốc Công ty nhưng ông Đ2 không vay vốn được.

Tính đến tháng 9/2015 thì tổng số tiền của các thành viên góp vốn vào Công ty là 17.609.659.000 đồng, trong đó ông đã góp vào 11.293.869.000 đồng tương đương tỷ lệ 64,14%, ông Trần Văn Đ1 góp vào Công ty 6.315.790.000 đồng chiếm tỷ lệ 35,86% (căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 28/5/2018 về việc thông qua quyết toán dự án trồng cây cao su giai đoạn đầu tư đến tháng 9/2015).

Căn cứ vào Hợp đồng mua bán chuyển nhượng ngày 07/11/2016 thì ông và ông Đ1 mỗi người đã chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Mạnh Đ2 và ông Trương Văn Q tỷ lệ 16,665% tương đương số tiền 2.934.172.000 đồng.

Như vậy, phần vốn góp của ông vào Công ty còn 8.359.697.000 đồng tương đương chiếm tỷ lệ là 47,475%, phần của ông Đ1 chiếm tỷ lệ 19,195%, phần của ông Đ2 chiếm tỷ lệ 21%, phần của ông Q chiếm tỷ lệ 12,33%.

Nay ông H yêu cầu Công ty xác định phần vốn góp ông H góp vào Công ty là 8.359.697.000 đồng chiếm tỷ lệ 47,475% và xác định ông là người đại diện theo pháp luật của Công ty với chức danh giám đốc Công ty.

- *Tại các Bản trình bày ý kiến ngày 17/9/2019, ngày 28/10/2019, ngày 06/11/2019 và ngày 26/12/2019 cũng như tại các biên bản hòa giải, bị đơn Công ty TNHH S Tr trình bày:*

Công ty TNHH S Tr thành lập lần đầu vào ngày 05/7/2007, gồm 03 thành viên góp vốn là bà Nguyễn Thị T (vợ ông Nguyễn Mạnh H), ông Trần Đàm Ngọc Q1 , ông Trần Văn Đ1, vốn điều lệ của Công ty là 6.000.000.000 đồng, mỗi thành viên có vốn góp là 2.000.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 33,33% vốn điều lệ, ông Đ1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty làm giám đốc.

Ngày 26/5/2008, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 2, gồm 03 thành viên là bà Nguyễn Thị Tám, ông Trần Văn Đ1 và ông Nguyễn Th. Mỗi thành viên có vốn góp 2.000.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 33,33%, ông Đ1 cũng là người đại diện theo pháp luật của Công ty làm giám đốc.

Ngày 01/4/2013, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 4 với vốn điều lệ là 15.000.000.000 đồng, gồm 03 thành viên là ông Nguyễn Mạnh H , ông Trần Văn Đ1, ông Nguyễn Th, mỗi thành viên có vốn góp 5.000.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 33,33%. Đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Mạnh H giám

đốc Công ty.

Ngày 12/10/2015, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 5 với vốn điều lệ là 15.000.000.000 đồng gồm 03 thành viên góp vốn là ông Trần Văn Đ1, ông Nguyễn Mạnh Đ2 và ông Nguyễn Th, mỗi thành viên có vốn góp 5.000.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 33,33%, ông Nguyễn Mạnh Đ2 là giám đốc đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 24/11/2015, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 6, thay đổi thành viên của Công ty gồm: Ông Nguyễn Mạnh Đ2, ông Nguyễn Th và ông Trần Văn Đ1, mỗi thành viên có vốn góp 5.000.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 33,33%, ông Nguyễn Mạnh Đ2 vẫn là giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 04/9/2019, Công ty đã thay đổi lần thứ 7, thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty. Ông Nguyễn Th là giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Lúc này, vốn điều lệ của Công ty là 15.000.000.000 đồng, gồm 03 thành viên góp vốn đó là ông Nguyễn Th, ông Trần Văn Đ1 và ông Nguyễn Mạnh Đ2, mỗi thành viên có vốn góp 5.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 33,33% vốn điều lệ.

Việc ông Nguyễn Mạnh H yêu cầu xác nhận phần vốn góp của ông vào Công ty với số tiền 8.359.697.000 đồng chiếm tỷ lệ 47,475% cùng với chức danh giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty là không có căn cứ. Công ty không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ *Tại Bản trình bày ý kiến ngày 18/9/2019, ông Trần Văn Đ1 trình bày như sau:*

Ngày 24/11/2015, ông mua của ông Trần Văn Đ1 phần vốn góp 5.000.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 33,33% vốn điều lệ của Công ty TNHH S Tr, đã hoàn thành nghĩa vụ đầy đủ theo quy định của Nhà nước. Công ty đã đăng ký thay đổi lần thứ 6 thay đổi thành viên Công ty, gồm 3 thành viên: Ông Nguyễn Th, ông Trần Văn Đ1 và ông Nguyễn Mạnh Đ2, mỗi thành viên có vốn góp 5.000.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 33,33%, ông Thành là người đại diện theo pháp luật của Công ty làm giám đốc. Hiện nay, Công ty cũng gồm 3 thành viên là ông Nguyễn Th, ông Nguyễn Mạnh Đ2 và ông Trần Văn Đ1, mỗi thành viên có vốn góp chiếm tỷ lệ 33,33%.

Nay ông Nguyễn Mạnh H yêu cầu xác định phần vốn góp của ông trong Công ty với tỷ lệ 47,475% tương đương với số tiền 8.359.697.000 đồng cùng với chức danh giám đốc Công ty, ông không đồng ý.

+ *Tại Bản trình bày ý kiến ngày 15/9/2019, ngày 16/9/2019 và ngày*

11/01/2020, ông Nguyễn Mạnh Đ2 trình bày như sau:

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 28/5/2018 về việc quyết toán vốn đầu tư dự án trồng cây cao su của Công ty TNHH S Tr giai đoạn từ tháng 8/2008 đến hết tháng 9/2015 có tổng số tiền là 17.609.659.000 đồng, trong đó: Ông Nguyễn Mạnh H góp vốn vào Công ty là 11.293.869.000 đồng, chiếm tỷ lệ 64,134%, ông Trần Văn Đ1 góp vốn vào Công ty là 6.315.790.000 đồng chiếm tỷ lệ 35,866%, thực chất ông Nguyễn Thk không có góp vốn vào Công ty.

Ngày 21/9/2015, Công ty có mời tôi tham gia nhờ tôi đứng tên hộ thay phần vốn góp và chức danh giám đốc Công ty để tôi đi vay vốn giùm cho Công ty nên tôi trở thành giám đốc Công ty thay cho ông Nguyễn Mạnh H .

Vì tôi đứng tên hộ phần vốn góp của ông H nên ngày 07/11/2016, ông H chuyển nhượng phần vốn góp của ông H cho tôi tương ứng tỷ lệ 10,5% và chuyển nhượng vốn góp cho ông Trương Văn Q tương ứng tỷ lệ 6,165%. Vậy vốn góp của ông H thực tế còn lại chiếm tỷ lệ 47,47%, tương đương số tiền 8.359.697.000 đồng.

Cùng ngày 07/11/2016, ông Đ1 cũng chuyển nhượng phần vốn góp của ông Đ1 cho tôi tương ứng tỷ lệ 10,5% và chuyển nhượng cho ông Q tương ứng tỷ lệ 6,165%. Vậy vốn góp của ông Đ1 thực tế còn lại là 19,201%. Như vậy, ông H và ông Đ1 mỗi ông đã bán 16,665% tỷ lệ phần vốn góp tương ứng với số tiền 4.000.000.000 đồng.

Vậy thực tế xác định phần vốn góp vào Công ty hiện nay:

Ông Nguyễn Mạnh H chiếm tỷ lệ 47,469% tương đương số tiền 8.359.697.000 đồng.

Ông Nguyễn Mạnh Đ2 chiếm tỷ lệ 21% tương đương số tiền 5.040.000.000 đồng (mua phần vốn góp của ông H và ông Đ1 mỗi người 10,5%).

Ông Trần Văn Đ1 chiếm tỷ lệ 19,201% tương đương số tiền 2.315.790.000 đồng.

Ông Trương Văn Q chiếm tỷ lệ 12,33% (mua phần vốn góp của ông H và ông Đ1 mỗi người tương ứng tỷ lệ 6,165%) tương đương số tiền 2.960.000.000 đồng.

Tôi đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H , xác nhận phần vốn góp của ông H trong Công ty chiếm tỷ lệ 47,47% tương ứng với số tiền 8.359.697.000 đồng và là người đại diện theo pháp luật của Công ty với chức danh giám đốc.

+ Tại Bản trình bày ý kiến ngày 18/9/2019, ông Trần Văn Đ1 trình bày như sau:

Công ty TNHH S Tr đăng ký lần đầu vào ngày 05/7/2007, có vốn điều lệ là

6.000.000.000 đồng, gồm 03 thành viên góp vốn vào gồm ông Trần Đàm Ngọc Q1, ông Trần Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị T (bà Tám là vợ ông Nguyễn Mạnh H), mỗi thành viên có vốn góp là 2.000.000.000 đồng tương đương tỷ lệ 33,33%. Công ty thành lập với mục đích xin đăng ký làm dự án đầu tư trồng cây cao su.

Ngày 12/5/2008, ông Q1 chuyển nhượng lại vốn góp cho ông Nguyễn Th. Do đó, ngày 26/5/2008 Công ty đăng ký thay đổi lần 2 gồm 03 thành viên là bà Nguyễn Thị T (vợ ông H), ông Nguyễn Th, ông Trần Văn Đ1, mỗi thành viên có vốn góp trong Công ty là 2.000.000.000 đồng, tỷ lệ 33,33%.

Năm 2013, do khó khăn về tài chính, vốn góp của bà Tám chuyển nhượng sang cho ông H nên Công ty có đăng ký thay đổi lần thứ 4 với vốn điều lệ 15.000.000.000 đồng, gồm 03 thành viên là ông Nguyễn Mạnh H, ông Nguyễn Th, ông Trần Văn Đ1, mỗi thành viên góp vốn là 5.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 33,33%, ông H là người đại diện Công ty làm giám đốc.

Năm 2015, tôi (là ông Đ1) cùng ông H, ông Đ2 có bàn bạc thống nhất việc ông H nhờ ông Đ2 đứng tên trên vốn góp của ông H, để ông Đ2 là người đại diện Công ty vay vốn ngân hàng. Do đó, ông Đ2 và ông H có làm thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp. Ngày 12/10/2015, Công ty đăng ký thay đổi lần 5 với vốn điều lệ là 15.000.000.000 đồng gồm 3 thành viên là ông Nguyễn Mạnh Đ2, ông Trần Văn Đ1, ông Nguyễn Th, mỗi thành viên có vốn góp 5.000.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 33,33%. Ông Đ2 là người đại diện theo pháp luật làm giám đốc.

Ngày 24/11/2015, tôi chuyển nhượng phần vốn góp của tôi cho ông Trần Văn Đỉnh. Kể từ ngày 24/11/2015, tôi không còn là thành viên của Công ty.

Việc ông H yêu cầu xác nhận phần vốn góp của ông H trong Công ty là 8.359.697.000 đồng tương đương tỷ lệ 47,47% là không đúng, ông không đồng ý.

+ *Tại Bản trình bày ý kiến ngày 16/9/2019, ông Nguyễn Th trình bày như sau:*

Công ty TNHH S Tr đăng ký thành lập lần đầu ngày 05/7/2007, vốn điều lệ là 6.000.000.000 đồng, gồm 03 thành viên góp vốn vào gồm ông Trần Đàm Ngọc Q1, ông Trần Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị T (bà Tám là vợ ông Nguyễn Mạnh H), mỗi thành viên có vốn góp là 2.000.000.000 đồng tương đương tỷ lệ 33,33%. Ông Đ1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty làm giám đốc.

Ngày 12/5/2008, ông Q1 chuyển nhượng phần vốn góp của ông cho tôi là Nguyễn Th. Nên Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 2 vào ngày 26/5/2008 trong đó có 03 thành viên góp vốn vào Công ty là: Bà Nguyễn Thị Tám, ông Trần Văn Đ1 và ông Nguyễn Th, mỗi người có vốn góp là 2.000.000.000 đồng, chiếm tỷ

lệ 33,33%.

Ngày 01/4/2013, bà Tám (vợ ông H) chuyển phần vốn góp tỷ lệ 33,33% chuyển sang ông Nguyễn Mạnh H , nên Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 4, ông H là đại diện theo pháp luật của Công ty là giám đốc, Công ty có 03 thành viên là ông H , ông Đ1 và ông Thành, mỗi thành viên có vốn góp 5.000.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 33,33%.

Năm 2015, ông H có nhờ ông Đ2 đứng tên vốn góp trong Công ty để ông Đ2 dễ dàng vay tiền ngân hàng. Do đó, ông Đ2 và ông H có làm thủ tục mua bán phần vốn góp. Công ty đăng ký thay đổi lại lần thứ 5 vào ngày 12/10/2015 với vốn điều lệ 15.000.000.000 đồng gồm ông Thành, ông Đ1 và ông Đ2 mỗi người có vốn góp vào Công ty là 5.000.000.000 đồng tương đương tỷ lệ 33,33%. Do ông H sang nhượng lại cho ông Đ2 nên ông Đ2 làm giám đốc đại diện cho Công ty.

Lẽ ra, ông Đ2 không giúp ông H vay được vốn ngân hàng thì ông Đ2 phải trả lại phần vốn góp cho ông H nhưng ông Đ2 không trả cho ông H .

Việc ông Nguyễn Mạnh H yêu cầu xác nhận phần vốn góp của ông trong Công ty với tỷ lệ 47,47% tương đương số tiền vốn góp là 8.359.697.000 đồng cùng với chức danh giám đốc Công ty là không có căn cứ.

+ *Tại các Bản tường trình ngày 26/12/2019 và ngày 24/10/2019, ông Trương Văn Q trình bày như sau:*

Ngày 07/11/2016, ông Trần Văn Đ1 đã bán cho ông phần vốn góp của ông Đ1 trị giá là 1.480.000.000 đồng tương đương tỷ lệ là 6,165% và ông Nguyễn Mạnh H đã bán cho ông cổ phần của ông H trị giá là 1.480.000.000 đồng tương đương tỷ lệ là 6,165%. Tổng cổ phần ông mua của ông H và ông Đ1 là 12,33% với tổng số tiền là 2.960.000.000 đồng. Ông đã thanh toán đầy đủ số tiền trên cho ông H và ông Đ1.

- Tại các Biên bản hòa giải ngày 24/10/2019, ngày 05/11/2019, ngày 26/12/2019 và ngày 15/01/2020 các đương sự trình bày thêm như sau:

+ *Ý kiến của ông Nguyễn Mạnh H :* Ông Thành và ông Đình hoàn toàn không có phần vốn góp trong Công ty. Ông không cho ông Thành mượn tiền để góp vốn vào Công ty và cũng không chuyển nhượng lại phần vốn góp của ông cho ông Thành. Phần vốn góp của ông trong Công ty tính đến trước tháng 9/2015 là 11.293.869.000 đồng chiếm tỷ lệ 64,13%. Ông đã chuyển nhượng phần vốn góp của ông chuyển nhượng cho ông Q với tỷ lệ 6,165% và chuyển nhượng cho ông Đ2 với tỷ lệ 10,5%. Vậy thực tế vốn góp của ông trong Công ty còn lại là 47,469%.

Trước đây, ông có nhờ ông Đ2 đứng tên hộ bằng hình thức chuyển nhượng

vốn góp ngày 22/9/2015, nay ông Đ2 đã trả lại cho ông phần vốn góp mà ông Đ2 đã đứng tên hộ theo văn bản công chứng ngày 09/8/2019.

+ *Ý kiến của Công ty S Tr:* Ông H đã chuyển toàn bộ phần vốn góp của ông trong Công ty chuyển cho ông Đ2.

+ *Ý kiến của ông Nguyễn Th:* Thực tế vốn góp của ông vào Công ty hiện nay chiếm tỷ lệ 33,33%, đây là khoản tiền ông đã mượn của ông H số tiền 1.825.611.124 đồng tương đương với tỷ lệ vốn góp của ông H vào Công ty là 16,665%, ông sẽ trả lại cho ông H số tiền 1.825.611.124 đồng. Còn lại với tỷ lệ 16,665% là ông mượn của ông Đ1 tương đương số tiền là 1.825.611.124 đồng (theo cam kết giữa ông, ông H và ông Đ1 tại Điều 5 của cuộc họp Hội đồng thành viên ngày 24/01/2013). Như vậy, vốn góp của ông chiếm tỷ lệ 33,33 % trong Công ty thực tế là do ông mượn của ông H và ông Đ1 tương đương với số tiền của ông H và ông Đ1 mỗi người là 1.825.611.124 đồng, chiếm tỷ lệ vốn góp của ông H và ông Đ1 mỗi ông là 16,665%. Ông sẽ trả lại số tiền 1.825.611.124 đồng cho ông H.

+ *Ý kiến của ông Trần Văn Đ1:* Theo cam kết giữa ông, ông Thành và ông H tại Điều 5 của cuộc họp Hội đồng thành viên ngày 24/01/2013 thì thực tế vốn góp của ông Thành hiện nay trong Công ty chiếm tỷ lệ 33,33%, đây là khoản tiền ông Thành đã mượn vốn góp của ông H trong Công ty số tiền là 1.825.611.124 đồng và mượn của tôi 1.825.611.124 đồng tương đương với tỷ lệ 16,665% vốn góp của tôi trong Công ty. Thực tế tôi cũng đã có chuyển nhượng cho ông Q tỷ lệ vốn góp của tôi trong Công ty là 6,165% và chuyển nhượng cho ông Đ2 tỷ lệ vốn tôi góp trong Công ty là 10,5%. Tôi đã nhận đủ tiền của ông Q nhưng Công ty chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng. Còn ông Đ2 thì tôi chưa nhận tiền chuyển nhượng. Do đó năm 2019, tôi tiếp tục chuyển nhượng phần vốn góp 33,33% của tôi trong Công ty chuyển nhượng tiếp cho ông Đình toàn bộ phần vốn góp này là 33,33%. Tôi không còn là thành viên của Công ty.

+ *Ý kiến của ông Nguyễn Mạnh Đ2:* Trước ngày 04/9/2019, ông là người đại diện theo pháp luật của Công ty – Giám đốc Công ty. Công ty xác định phần vốn góp của ông trong Công ty chiếm tỷ lệ 33,33% là không đúng vì thực tế tỷ lệ 33,33% này thì phần góp vốn của ông trong Công ty chỉ có 21%. Tỷ lệ 21% này là do ông mua lại của ông H 10,5% và mua lại của ông Đ1 tỷ lệ 10,5%. Còn lại tỷ lệ 12,33% ($33,33\% - 21\% = 12,33\%$) thực chất đó là phần vốn góp của ông H và của ông Q, mỗi ông chiếm tỷ lệ 6,165%. Do đó, ông xác định tỷ lệ phần vốn góp của ông thực tế hiện nay có trong Công ty chiếm tỷ lệ 21%, phần vốn góp của ông H là 47,469%, phần vốn góp của ông Q là 12,33%, phần vốn góp của ông Đ1 là 19,201%. Ông Thành không có phần vốn góp trong Công ty.

+ *Ý kiến của ông Trương Văn Q:* Thực tế phần vốn góp của ông H trong

Công ty với số tiền 8.359.697.000 đồng là đúng sự thật, thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông H. Trước đây ông H có phần vốn góp trong Công ty chiếm tỷ lệ 64,13%. Ông H đã chuyển nhượng cho ông tỷ lệ 6,165%, chuyển nhượng cho ông Đ2 tỷ lệ 10,5%, nên tỷ lệ vốn góp của ông H chỉ còn lại 47,469%. Phần vốn góp của ông trong Công ty hiện nay chiếm tỷ lệ 12,33% (do ông mua của ông H 6,165%, mua của ông Đ1 6,165%), đã giao nhận đủ tiền nhưng chưa hoàn tất thủ tục. Phần vốn góp của ông Thành và ông Đình trong Công ty là hoàn toàn không có. Ông xác định hiện nay vốn góp của Công ty gồm có: Ông H chiếm tỷ lệ 47,469%, ông Đ2 chiếm tỷ lệ 21%, ông Đ1 tỷ lệ 19,201% và phần vốn góp của ông chiếm tỷ lệ 12,33%.

+ *Ý kiến của ông Trần Văn Đình*: Ngày 15/11/2015, ông đã nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của ông Đ1. Vốn góp hiện nay của ông trong Công ty là 33,33%.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xác nhận ông Nguyễn Mạnh H là thành viên của Công ty TNHH S Tr có phần vốn góp vào Công ty với số tiền 8.359.697.000 đồng chiếm tỷ lệ 47,475% trong phần vốn của Công ty TNHH S Tr. Đồng thời, rút yêu cầu khởi kiện đối với việc xác định nguyên đơn là người đại diện theo pháp luật của Công ty với chức danh giám đốc Công ty.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Mạnh Đ2, ông Trương Văn Q đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Mạnh H xác nhận phần vốn góp của ông H trong Công ty có số tiền 8.359.697.000 đồng chiếm tỷ lệ 47,475% trong phần vốn của Công ty.

Ông Trần Văn Đình không có ý kiến gì và thống nhất ý kiến của ông đã trình bày có tại hồ sơ vụ án.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2020/KDTM-ST ngày 28/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Mạnh H về việc xác định nguyên đơn là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S Tr – Giám đốc Công ty TNHH S Tr.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Mạnh H về việc xác định tỷ lệ phần vốn góp vào Công ty TNHH S Tr.

- Công nhận ông Nguyễn Mạnh H có góp vốn vào Công ty TNHH S Tr với phần vốn góp tương ứng với tỷ lệ 47,47%, giá trị vốn đã góp số tiền là 8.359.697.000 đồng.

- Buộc Công ty TNHH S Tr cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp cho ông Nguyễn Mạnh H theo quy định của pháp luật tương ứng với giá trị phần vốn góp đã góp với số tiền là 8.359.697.000 đồng, tỷ lệ 47,47%.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 17/9/2020, bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn S Tr có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số: 01/2020/KDTM-ST ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận. Hoặc chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn S Tr, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H về việc xác định tỷ lệ phần vốn góp vào Công ty trách nhiệm hữu hạn S Tr.

Ngày 09/6/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 41/QĐKNPT-VKS-KDTM đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm số: 01/2020/KDTM-ST ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận (sau đây gọi tắt là Quyết định kháng nghị hoặc Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát là rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 41/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 09/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị này theo quy định tại khoản 2 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn S Tr trình bày, Công ty S Tr kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án vắng mặt người đại diện theo pháp luật của Công ty là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty. Mặt khác, việc thu thập chứng cứ vụ án chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương

sự có mặt tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn S Tr:

Vụ án này đã được Tòa án cấp sơ thẩm đưa ra xét xử nhiều lần, ông Nguyễn Thlà người đại diện theo pháp luật cho bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên tòa này, nhưng ông Thành đều có đơn xin hoãn phiên tòa. Trong đó, ông Thành đã có đơn đề nghị hoãn phiên tòa xét xử vào ngày 18/5/2020 với lý do ông bị tăng huyết áp, viêm dạ dày đang điều trị tại Khoa tim mạch. Mặc dù, ông Thành không cung cấp hồ sơ bệnh án kèm theo, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn ban hành Quyết định hoãn phiên tòa lần 02 tại Quyết định số 02/2020/QĐST-KDTM ngày 18/5/2020; trong đó đã ấn định thời gian xét xử vụ án lần 3 vào ngày 28/5/2020. Lần xét xử ngày 28/5/2020, ông Thành lại tiếp tục có Đơn xin hoãn phiên tòa vẫn với lý do đang điều trị tại Khoa tim mạch vào viện ngày 17/5/2020 với chẩn đoán là tăng huyết áp – viêm dạ dày nhưng cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác so với lần trước. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định, việc ông Thành mới ở giai đoạn chuẩn đoán tăng huyết áp – viêm dạ dày là không thuộc trường hợp bệnh ngặt nghèo hay bệnh hiểm nghèo, không phải là sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên đã tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Thành là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty S Tr kháng cáo cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án vắng mặt người đại diện theo pháp luật của Công ty là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, là không có cơ sở.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành việc thu thập chứng cứ đầy đủ theo đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Mạnh H , công nhận ông Nguyễn Mạnh H có góp vốn vào Công ty TNHH S Tr với phần vốn góp tương ứng với tỷ lệ 47,47%, giá trị vốn đã góp số tiền là 8.359.697.000 đồng; buộc Công ty TNHH S Tr cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp này cho ông Nguyễn Mạnh H , là có căn cứ, phù hợp với Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty S Tr ngày 28/5/2018 thống nhất thông qua số liệu quyết toán vốn đầu tư dự án của Công ty giai đoạn từ tháng 8/2008 đến 9/2015 với tổng số tiền 17.609.659.000 đồng; trong đó ông Nguyễn Mạnh H đã góp 11.293.869.000 đồng, và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án.

Kháng cáo của Công ty TNHH S Tr là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của Công ty S Tr, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát đã rút toàn bộ kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 41/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 09/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 2 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH S Tr nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ. Xét kháng cáo của bị đơn Công ty S Tr như sau:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với ý kiến quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án vắng mặt người đại diện theo pháp luật của Công ty là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty S Tr kháng cáo cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án vắng mặt người đại diện theo pháp luật của Công ty là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, là không có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Công ty TNHH S Tr được thành lập với mục đích xin làm dự án cải tạo rừng, đầu tư trồng cây cao su tại xã Đ2 Giang, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận; được Phòng đăng ký kinh doanh (ĐKKD) thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (KHĐT) cấp Giấy giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 05/7/2007, với ngành nghề trồng cao su và cây ăn quả, hoạt động dịch vụ lâm nghiệp, vốn điều lệ 6 tỷ đồng, gồm 03 thành viên là bà Nguyễn Thị T (vợ ông Nguyễn Mạnh H), ông Trần Đàm Ngọc Q1 và ông Trần Văn Đ1, mỗi thành viên đăng ký góp 2.000.000.000 đồng tỷ lệ 33,33%, người đại diện của Công ty là ông Trần Văn Đ1 làm Giám đốc.

Đến ngày 18/3/2013, bà Nguyễn Thị T chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp cho ông Nguyễn Mạnh H (Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp lập ngày 18/3/2013 bút lục 158). Ngày 19/3/2013, Công ty S Tr thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty, thông báo thay đổi thành viên Công

ty do chuyển nhượng phần góp vốn và điều chỉnh tăng vốn điều lệ (bút lục 154, 155, 159, 160, 161). Do đó, ngày 01/4/2013, Công ty S Tr được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp **thay đổi lần thứ tư** có vốn điều lệ 15.000.000.000 đồng, trong đó ông Nguyễn Mạnh H , ông Trần Văn Đ1 và ông Nguyễn Th, mỗi người góp 5.000.000.000 đồng tỷ lệ 33,33%, người đại diện của Công ty S Tr là ông Nguyễn Mạnh H .

[2.2] Ngày 21/9/2015, ông Đ1, ông H , ông Thành và ông Nguyễn Mạnh Đ2 họp tại Công ty TNHH S Tr để bàn thủ tục vay vốn tại Ngân hàng cho Công ty. Nội dung biên bản thống nhất: *Ông Đ2 nhận chuyển nhượng lại phần vốn góp của ông H và thay ông H là Giám đốc Công ty S Tr; Quyết toán chi phí đầu tư của Công ty đến thời điểm hết tháng 9/2015; Việc ông Đ2 đứng tên thay cho ông H để hoàn tất hồ sơ vay vốn, đến thời điểm thích hợp ông Đ2 sẽ chuyển lại tên và giao lại cho ông H làm giám đốc* (bút lục 485, 20).

[2.2a] Qua đó nhận thấy, việc ông Nguyễn Mạnh H chuyển nhượng toàn bộ phần góp vốn cho ông Nguyễn Mạnh Đ2 (theo Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ngày 24/9/2015 bút lục 151) không phải là ý chí và sự thỏa thuận riêng của ông H và ông Đ2, mà đây là theo sự bàn bạc thống nhất giữa ông Đ1, ông H , ông Thành và ông Đ2 tại cuộc họp ngày 21/9/2015 tại Công ty S Tr với mục đích đã được nêu rõ ràng và cụ thể là để hoàn tất hồ sơ vay vốn cho Công ty, đến thời điểm thích hợp ông Đ2 sẽ chuyển lại tên và giao lại cho ông H làm giám đốc. Theo đó, Công ty S Tr đã tiến hành việc thay đổi thành viên Công ty do chuyển nhượng phần vốn góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi **lần thứ năm** ngày 12/10/2015 với vốn điều lệ 15.000.000.000 đồng, trong đó ông Nguyễn Mạnh Đ2, ông Nguyễn Th, ông Trần Văn Đ1 mỗi thành viên góp 5.000.000.000 đồng tỷ lệ 33,33%, người đại diện của Công ty S Tr là ông Nguyễn Mạnh Đ2 làm giám đốc.

[2.2b] Đồng thời, qua đó cũng nhận thấy, do đã có sự thống nhất giữa ông Đ1, ông H , ông Thành và ông Đ2 tại Biên bản cuộc họp bàn thủ tục vay vốn tại Ngân hàng đã được tổ chức vào ngày 21/9/2015 tại Công ty S Tr có nội dung: *Ông Đ2 nhận chuyển nhượng lại phần vốn góp của ông H và thay ông H là Giám đốc công ty S Tr; Quyết toán chi phí đầu tư của Công ty đến thời điểm hết tháng 9/2015*. Vì vậy, sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ năm, đến **ngày 28/5/2018** Hội đồng thành viên của Công ty đã họp với thành phần tham dự: Ông Nguyễn Mạnh Đ2 – Giám đốc Công ty, ông Trần Văn Đ1, ông Nguyễn Th và ông Nguyễn Mạnh H đã thống nhất thông qua số liệu quyết toán vốn đầu tư dự án của Công ty giai đoạn từ tháng 8/2008 đến 9/2015 với tổng số tiền 17.609.659.000 đồng; trong đó, ông Trần Văn Đ1 góp 6.315.970.000 đồng và ông Nguyễn Mạnh H đã góp 11.293.869.000 đồng. Tại Biên bản cuộc họp Hội đồng thành viên Công ty này còn ghi rõ: Đây là số liệu quyết toán đầu tư DA Công ty TNHH S Tr giai đoạn từ tháng 8 năm 2008 đến

tháng 9 năm 2015 được các thành viên Công ty thống nhất thông qua *(không sử dụng lại các bảng tổng hợp số liệu quyết toán trước đây liên quan đến giai đoạn đầu tư dự án giai đoạn từ tháng 8 năm 2008 đến tháng 9 năm 2015)*.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Th trình bày, do giấy tờ, sổ sách kế toán, hóa đơn, chứng từ thu – chi tài chính của Công ty S Tr thường lập không nên các thành viên Công ty mới thống nhất tổ chức Cuộc họp Hội đồng thành viên ngày 28/5/2018 để thống nhất thông qua số liệu quyết toán vốn đầu tư dự án của Công ty giai đoạn từ tháng 8/2008 đến 9/2015 và đã lập biên bản cuộc họp này với nội dung như trên.

[2.2c] Xét diễn biến sự việc như trên phù hợp với trình bày của ông Nguyễn Mạnh H trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án với nội dung: Do chu kỳ khai thác cây cao su từ 20 năm đến 30 năm và nhu cầu vốn mỗi tháng chỉ vài ba chục triệu đến một, hai trăm triệu là đủ đáp ứng nhu cầu chi hoạt động của Công ty. Nên tất cả các thành viên góp vốn điều lệ đều thống nhất phương án góp tiền, góp vốn vào Công ty như sau: Công ty có nhu cầu chi đến đâu thì các thành viên góp tiền đến đó, sau đó số tiền này sẽ được tổng hợp hàng tháng, hàng Q , hàng năm *(không thực hiện hình thức nộp tiền vào Công ty bằng phiếu thu để tồn quỹ trong Công ty)*. Sau khi được hội đồng thành viên duyệt những khoản chi phí này xem như là những khoản thu góp vốn của các thành viên vào Công ty theo điều lệ.

[2.2d] Mặt khác, ngày 07/3/2019, Công ty S Tr nộp hồ sơ đăng ký thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp và thành viên góp vốn thì ngày 14/3/2019, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận kết luận: Công ty TNHH S Tr đăng ký kê khai không chính xác thành viên góp vốn, đã vi phạm điều cấm đối với Công ty không được làm. Cụ thể là *“Kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và nội dung hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp”*. Biện pháp khắc phục là: Công ty phải cấp lại giấy chứng nhận góp vốn cho các thành viên hiện hữu.

[2.2đ] Thêm nữa, tại Bản tường trình sự việc ngày 08/6/2021, ông Trần Đàm Ngọc Q1 trình bày với nội dung: Vào ngày 05/7/2007, ông Q1 đã cùng ông Trần Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị T đăng ký thành lập Công ty TNHH S Tr. Đến ngày 26/5/2008, ông Q1 rút tên khỏi thành viên Công ty. Trong khoảng thời gian này, Công ty chưa làm bất cứ một việc gì nên tất cả các thành viên đều chưa góp tiền, công ty cũng không có tài sản. Ông Q1 khẳng định không hề có việc giao nhận tiền giữa ông Q1 và ông Thành. Về một số tài liệu trong hồ sơ Công ty có ghi việc giao nhận tiền giữa ông Q1 và ông Nguyễn Th là do Công ty lập nhằm làm thủ tục gửi cho cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục trong việc thay đổi thành viên và vốn góp trong giấy đăng ký doanh nghiệp.

[2.2e] Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở xác định, việc ông H chuyển nhượng toàn bộ phần góp vốn cho ông Đ2 theo Hợp đồng chuyển

nhượng phần vốn góp ngày 24/9/2015 chỉ là hình thức để hoàn tất hồ sơ vay vốn cho Công ty, đến thời điểm thích hợp ông Đ2 sẽ chuyển lại tên và giao lại cho ông H. Theo đó, tại Biên bản họp Công ty ngày 13/11/2017 với thành phần tham dự: Ông Nguyễn Th, ông Trần Văn Đ1 và ông Nguyễn Mạnh H đã thống nhất việc ông Đ2 chuyển nhượng lại 33,33% vốn góp trong Công ty cho ông H. Vì vậy, việc ông Đ2 chuyển nhượng lại toàn bộ phần vốn góp 5.000.000 đồng (chiếm 33,33%) vốn điều lệ Công ty theo Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp lập ngày 09/8/2019 cũng thuộc trường hợp thực hiện theo sự bàn bạc thống nhất giữa ông Đ1, ông H, ông Thành và ông Đ2 tại cuộc họp ngày 21/9/2015 tại Công ty TNHH S Tr. Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty S Tr ngày 28/5/2018 thống nhất thông qua số liệu quyết toán vốn đầu tư dự án của Công ty giai đoạn từ tháng 8/2008 đến 9/2015 với tổng số tiền 17.609.659.000 đồng; trong đó ông Nguyễn Mạnh H đã góp 11.293.869.000 đồng là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, có căn cứ.

[2.3] Sau đó, Hội đồng thành viên Công ty S Tr còn căn cứ vào Biên bản cuộc họp Hội đồng thành viên của Công ty ngày 12/11/2018 và ngày 06/12/2018, ban hành Nghị quyết số: 02-2018/NGST ngày 06/12/2018 (*V/v vốn đầu tư dự án trồng cây cao su của Công ty S Tr tại xã Đ2 Giang, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận giai đoạn từ tháng 8/2008 đến hết tháng 12/2017 do các ông H, ông Đ1, ông Đ2 và ông Quý đầu tư*). Trong đó đã quyết nghị: Số tiền ông Nguyễn Mạnh H và ông Trần Văn Đ1 đã đầu tư vào dự án trồng cây cao su của Công ty S Tr tại xã Đ2 Giang, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận giai đoạn từ tháng 8/2008 đến tháng 12/2015 là 10.945.477.650 đồng (bút lục 458), nhưng các cuộc họp nêu trên không có sự tham gia thống nhất của ông H nên không có cơ sở.

[2.4] Ông Nguyễn Mạnh H cho rằng, tại Hợp đồng mua bán chuyển nhượng ngày 07/11/2016 thì ông H và ông Đ1 mỗi người đã chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Mạnh Đ2 và ông Trương Văn Q tỷ lệ 16,665% tương đương số tiền 2.934.172.000 đồng. Như vậy, phần vốn góp của ông H vào Công ty còn 8.359.697.000 đồng tương đương chiếm tỷ lệ là 47,475%. Nên ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận phần vốn góp ông H góp vào Công ty là 8.359.697.000 đồng chiếm tỷ lệ 47,475%; buộc Công ty TNHH S Tr cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp cho ông Nguyễn Mạnh H theo quy định của pháp luật tương ứng với giá trị phần vốn góp đã góp với số tiền là 8.359.697.000 đồng.

[2.5] Xét thấy, trong vụ án này, các đương sự có liên quan không có tranh chấp đối với việc ông H chuyển nhượng phần vốn góp của ông H đã được xác định tại Công ty S Tr cho ông Đ2 và ông Q theo Hợp đồng mua bán chuyển nhượng ngày 07/11/2016. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định công nhận ông Nguyễn Mạnh H có phần góp vốn vào Công ty TNHH S Tr với số tiền đã góp là

8.359.697.000 đồng và buộc Công ty TNHH S Tr cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp của ông Nguyễn Mạnh H góp vốn vào Công ty với số tiền 8.359.697.000 đồng, theo yêu cầu khởi kiện của ông H , là đúng.

[2.6] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Mạnh H công nhận tỷ lệ góp vốn của ông H chiếm tỷ lệ 47,475% so với tổng vốn góp của các thành viên và buộc Công ty TNHH S Tr phải cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp của ông Nguyễn Mạnh H theo tỷ lệ này là không đúng với quy định tại khoản 21 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2015: *“Phần vốn góp là tổng giá trị tài sản của một thành viên đã góp hoặc cam kết góp vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp doanh. Tỷ lệ phần vốn góp là tỷ lệ giữa phần vốn góp của một thành viên và vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp doanh”*. Do đó, cần phải chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn S Tr, sửa phần nội dung quyết định này của bản án sơ thẩm cho đúng quy định pháp luật.

Chính vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn S Tr; sửa bản án sơ thẩm theo như nhận định nêu trên.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTV_QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q1 hội, Công ty trách nhiệm hữu hạn S Tr không phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 41/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 09/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

2- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn S Tr; sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2020/KDTM-ST ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận:

Áp dụng Điều 30, Điều 37, Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 21 Điều 4, Điều 61, Điều 48 Luật Doanh nghiệp.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q1 hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

2.1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Mạnh H về việc xác định nguyên đơn là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH S Tr – Giám đốc Công ty TNHH S Tr.

2.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Mạnh H về việc xác định tỷ lệ phần vốn góp vào Công ty TNHH S Tr.

+ Công nhận ông Nguyễn Mạnh H có phần góp vốn vào Công ty TNHH S Tr với số tiền đã góp là 8.359.697.000 đồng tương ứng với tỷ lệ 55,7313% vốn điều lệ của Công ty.

+ Buộc Công ty TNHH S Tr cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp cho ông Nguyễn Mạnh H theo quy định của pháp luật tương ứng với giá trị phần vốn góp đã góp với số tiền là 8.359.697.000 đồng, tỷ lệ 55,7313% vốn điều lệ của Công ty.

2.3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Nguyễn Mạnh H không phải nộp.

Hoàn trả lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp 3.000.000 đồng theo biên lai số 0029957 ngày 30/8/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

3- Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn S Tr không phải nộp; Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S Tr số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0005700 ngày 17/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 08/12/2021./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Ý

Phạm Văn Công

Đỗ Đình Thanh